

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HS-ST

Ngày 24/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định và ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/HSST-QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/HSST-QĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 và các Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, tại Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Bùi Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 19/3/2021 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn H - Luật sư của Công ty Luật X thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 3, số 27 phố T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; bào chữa cho bị cáo H; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Anh Tạ Văn Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, do không có công ăn việc làm ổn định nên Nguyễn Văn H nảy sinh ý định sang Đài Loan để lao động. H liên lạc với một người tên C, sinh năm 1983, quê ở tỉnh Nghệ An quen biết trong thời gian lao động ở Đài Loan (*đang lao động tại Đài Loan*) để hỏi cách thức xuất cảnh trái phép sang Đài Loan. C nói có đường dây đưa người xuất cảnh trái phép sang Đài Loan với chi phí là 7.000USD/người (*tương đương 162.050.000đ*) nếu tìm thêm được người đi thì H được 200USD/người (*tương đương 4.630.000đ*) và chỉ lấy của H 6.500USD (*tương đương 150.475.000đ*). H đồng ý và được C cho số điện thoại của Phạm Văn N, sinh năm 1990, ở xã T, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương. C dặn H cứ tìm được người thì đưa đến gặp N sẽ sắp xếp đưa họ sang Đài Loan. Sau khi có thông tin và trao đổi với N, H liên lạc với Tạ Văn Q; Nguyễn Thị Lệ Th và Trần Văn S, sinh năm 1983, trú tại xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. H cho biết chi phí đi Đài Loan là 7.000USD/người, không phải làm giấy tờ gì, sau khi vượt biên bằng đường bộ sang Trung Quốc, sẽ đi tàu biển sang Đài Loan, khi sang đến Đài Loan mới phải trả tiền, mọi việc trên đường đi sẽ do N lo liệu. Q, Th và S đồng ý. H liên lạc với Phạm Văn N thông báo số người đi và được N hẹn ngày giờ, địa điểm tập trung ở khu vực gần trạm dừng nghỉ 559 TP Hải Dương. H đã báo cho Q, Th và S biết địa điểm hẹn gặp H như nêu trên.

Khoảng giữa tháng 11/2019, Th1 sinh năm 1981, ở xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (*do C môi giới và bảo đi cùng H*); H và Th1 đi xe taxi đến sân bay Nội Bài đón Th đến nhà nghỉ do Phạm Văn N thuê gần khu vực trạm dừng nghỉ 559, TP Hải Dương. Tại nhà nghỉ, lúc đó có Trịnh Thị Tr, sinh năm 1986 ở P, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1976 ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Bùi Thị H, sinh năm 1976 ở T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và Trần Anh T ở phường L, TP P, tỉnh Hà Nam cũng thuê phòng đợi N. Tối cùng ngày, N đến nhà nghỉ gặp H, Th1, Q, S, T, Th, Tr, B, H. N hẹn mọi người sáng hôm sau sẽ có xe đến đón đi lên Lạng Sơn để vượt biên giới Việt Nam sang Trung Quốc. Sau khi N ra về, H yêu cầu Q, S và Th mỗi người nộp 200USD, H nói với mọi người đây là chi

phí giới thiệu, đồng thời H và Th1 trả phòng rồi đi tìm thuê phòng của 01 nhà nghỉ khác để nghỉ (*cách nhà nghỉ trước khoảng 01 km*).

Sáng hôm sau, N bố trí xe ô tô 16 chỗ đến đón Q, S, T, Th, Tr, B, H đi Lạng Sơn, đến nhà nghỉ ở khu vực ngã ba M, TP L, tỉnh Lạng Sơn. Tại nhà nghỉ ở Lạng Sơn, N nói mỗi người đi phải nộp 11.000.000đ/người cho người dẫn đường, tiền phí vượt biên giới Việt Nam sang Trung Quốc (*N không trực tiếp thu*). Sau đó, họ được người đàn ông (*không biết lai lịch, địa chỉ*) lái xe ô tô đưa đến khu vực gần cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để đưa cả nhóm vượt biên sang Trung Quốc theo đường mòn. Sau khi sang Trung Quốc, N tiếp tục đưa cả nhóm đi Phúc Kiến, Trung Quốc, nghỉ tại đây để đợi bố trí tàu sang Đài Loan. Trong thời gian chờ tàu đi sang Đài Loan, còn có các trường hợp đến sau là Lê Văn H1, sinh năm 1986 ở xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; Vương Thị Bích H2, sinh năm 1994 ở xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1993 ở xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Bùi Văn N1, sinh năm 1988 ở xã T, TP V, tỉnh Vĩnh Phúc; Đỗ Ngọc L, sinh năm 1981 tại xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Thái Q1 sinh năm 1996, Nguyễn Nhật Th2, sinh năm 1996, Nguyễn Trường Gi, sinh năm 1998, đều trú tại xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nguyễn Duy K, sinh năm 1983, trú tại A, xã B, huyện P, TP Hà Nội; Nguyễn Thị M, sinh năm 1991, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Dương Tấn Đ, sinh năm 1988, trú tại ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và Phạm Thị Ng, sinh năm 1990 ở phường A, quận L, TP Hải Phòng đến nhập cùng với nhóm của Phạm Văn N. Do chờ đợi lâu, Trần Văn S và Trần Anh T đã rời nhóm của N. Trong thời gian này, N nói với mọi người là chủ tàu yêu cầu mỗi người phải nộp trước 3.000USD thì mới được lên tàu sang Đài Loan, ai không mang theo tiền mặt thì phải chuyển 70.000.000đ vào tài khoản cá nhân của N mở tại ngân hàng VIB - Chi nhánh Hải Dương để N chuyển cho chủ tàu. Tất cả những người đi đều nộp cho N bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ngày 20/12/2019, nhóm người của N bị Công an Trung Quốc bắt giữ về hành vi nhập cảnh trái phép. Ngày 21/4/2020, Công an Trung Quốc trao trả về Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị - Lạng Sơn (*trong đó không có Phạm Văn N vì theo trình bày của những người xuất cảnh trái phép cho biết N bị Công an Trung Quốc xử lý về hành vi tổ chức người nhập cảnh trái phép và Dương Tấn Đ sau 02 ngày bị bắt được trao trả trước về Việt Nam vì bệnh lao phổi*) và được đi cách ly theo quy định tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Cơ quan điều tra thu giữ được dữ liệu trong ứng dụng Messenger trên điện thoại của Nguyễn Văn H chứng minh việc trao đổi giữa Nguyễn Văn H với Tạ Văn Q, Nguyễn Thị Lệ Th và Trần Văn S liên quan đến việc nộp tiền để tổ chức cho họ trốn sang Trung Quốc đi Đài Loan trái phép.

Sao kê tài khoản của Phạm Văn N tại Ngân hàng quốc tế VIB - Chi nhánh Hải Dương xác định các khoản tiền nhận từ chị M, chị B và của người nhà chị Th, H, Q1, Th2, Gi phù hợp với lời khai của của họ. Cơ quan an ninh điều tra đã ra Lệnh phong tỏa đối với tài khoản này của N.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) - Bộ Công an cung cấp: Ngày 09/4/2020, Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc đã có Công điện số TCO CD 350 đề nghị Cục A08 xác minh và trả lời về 64 trường hợp, trong đó có 17 đối tượng nêu trên (*có thông tin trùng khớp với tên tuổi các đối tượng trong vụ án này*) nhập cảnh bất hợp pháp, không được Trung Quốc cho phép cư trú, ngoài ra trong đó còn có Phạm Văn N là trường hợp nghi phạm tổ chức đưa người vượt biên trái phép.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận về hành vi như nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 42/CT-VKS-P1 ngày 22/6/2021, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn H về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện thái độ ăn năn hối hận về hành vi của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo H gửi bài Luận cứ bào chữa, trình bày: Bị cáo H giữ vai trò đồng phạm với bị can N, bị cáo khai báo thành khẩn và rất ăn năn hối hận, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế. Đề nghị xử phạt dưới mức thấp N của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 30 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/3/2021. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về áp dụng các biện pháp tư pháp và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả xác minh, Công văn của Cục

quản lý xuất nhập cảnh, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 11/2019, Nguyễn Văn H có hành vi cấu kết với Phạm Văn N, trực tiếp tìm người, liên lạc, hướng dẫn, nhận tiền giới thiệu và trực tiếp đưa anh Tạ Văn Q, chị Nguyễn Thị Lệ Th đến địa điểm tập trung ở khu vực trạm dừng nghỉ 559 thành phố Hải Dương gặp Phạm Văn N, để N tổ chức cho Q, Th cùng với nhiều người khác trốn sang Trung Quốc qua khu vực biên giới thuộc huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, để các đối tượng tiếp tục trốn sang Đài Loan lao động.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức đưa người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi, nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính của bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[5] Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị can N là người tổ chức, trực tiếp đưa nhiều người trốn đi nước ngoài trái phép nên N giữ vai trò chính. Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án, khi nào bắt được N sẽ xử lý sau. Đối với bị cáo H phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò giúp sức cho N tổ chức cho hai người là anh Q, chị Th trốn đi nước ngoài trái phép.

[6] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Bị cáo thu lợi số tiền 400 USD (*tính bằng 9.260.000 đồng*), bị cáo đã sử dụng mục đích cá nhân hết. Bỏ để bị cáo đã tự nguyện nộp lại, thay cho bị cáo nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đối với Phạm Văn N có hành vi Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can số: 09 ngày 15/3/2021 và ra đã ra Quyết định truy nã số: 93 ngày 01/4/2021; khi nào bắt được N sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[11] Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn H khai còn nhận 200 USD của Trần Văn S để N và Huy đưa S trốn ra nước ngoài trái phép. Cơ quan điều tra đã xác minh, nhưng chưa xác định được S ở đâu, làm gì, nên chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[12] Đối với Nguyễn Văn Th1, ngoài lời khai của H; cơ quan điều tra đã xác minh, thể hiện không có công dân nào mang tên trên tại xã Tam Di, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên không có căn cứ xử lý.

[13] Đối với người đàn ông tên C, T, L, H1; chỉ có lời khai của H, N, H1; không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh và xử lý sau.

[14] Đối với các đối tượng nêu trên đã có hành vi xuất cảnh trái phép, nhưng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không đặt ra việc xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 20 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/3/2021.

3. Về các biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.260.000 được đựng trong 01 bì niêm phong số 193 và hiện đang được quản lý tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hải Dương theo Biên bản giao nhận tài sản ngày 31/3/2021 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Kho bạc Nhà nước tỉnh Hải Dương.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQANĐT, CQTHAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn

